

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KẾ SÁCH
TỈNH SÓC TRĂNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **155/2022/DS-ST**

Ngày: 30 - 12 - 2022

V/v tranh chấp đòi lại tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Việt.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Tăng Thị Bạch Vân.

Ông Hứa Văn Khương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thanh Trinh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Lâm Bích Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 276/2022/TLST-DS ngày 04 tháng 10 năm 2022 về việc tranh chấp đòi lại tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 355/2022/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 11 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa dân sự sơ thẩm số: 279/2022/QĐST-DS ngày 09 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông D. Địa chỉ: Ấp A1, xã B1, huyện C1, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt, có văn bản đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt)

2. *Bị đơn:* Bà H, sinh năm 1980. Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 24/8/2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông D trình bày:* Ông D và bà H quen biết nhau 06 năm, chỉ có quan hệ bạn bè chứ không hề có quan hệ chung sống với nhau như vợ chồng như bà H đã trình bày.

Vào khoảng tháng 11, 12/2020, bà H có nhờ ông D đứng ra vay tiền của ông M giúp bà H với số tiền 60.000.000đồng. Do là chỗ bạn bè quen biết nên ông D đồng ý đứng tên vay tiền của ông M giúp cho bà H. Vài ngày sau, ông D gọi điện thoại cho ông M để hỏi chuyện vay tiền thì ông M đồng ý cho vay. Ngày

31/12/2020, tại nhà bà H ông D có ký vào biên nhận tiền, nội dung ông M có cho ông D vay số tiền 60.000.000đồng, 03 tháng đóng lãi một lần, nhưng ông D chưa có nhận tiền. Ngày 01/01/2021, ông M kêu ông D sang nhà bà H nhận tiền, ông D kêu ông M đưa cho bà H nhận toàn bộ số tiền 60.000.000đồng, có ông N là người chứng kiến. Khi vay tiền của ông M, ông D và bà H có nói với ông M là ông D vay tiền giùm cho bà H (vì ông M không đồng ý cho bà H vay tiền, chỉ ông D đứng tên vay tiền giùm thì ông M mới đồng ý), lý do gì hiện nay ông M cho rằng ông D và bà H không có nói với ông M vấn đề này thì ông D không rõ.

Từ ngày bà H nhận tiền cho đến nay thì không đóng lãi cho ông M cũng không gửi tiền cho ông D đóng lãi cho ông M, ông D có nhiều lần đến nhà bà H để đòi tiền vốn và lãi thì bà H nói là ông D kêu vợ chồng ông M xuống sang phần nợ đó qua cho bà H, nhưng sau đó vài ngày bà H lại nói ai ký tên trong giấy vay tiền thì người đó trả. Từ tháng 01/2021, ông D phải đứng ra đóng lãi cho ông M giùm bà H số tiền 31.000.000đồng. Từ tháng 02/2022, ông D không còn khả năng đóng lãi giùm cho bà H nữa.

Quá trình Tòa án nhân dân huyện C1, tỉnh Sóc Trăng giải quyết vụ án giữa ông D với ông M về sự việc liên quan đến số tiền 60.000.000đồng thì không có mời bà H đến làm việc. Vụ án đã được Tòa án nhân dân huyện C1, tỉnh Sóc Trăng giải quyết xong, buộc ông D phải trả cho ông M số tiền 60.000.000đồng.

Về việc bà H cho rằng ông D đã cho bà H số tiền 60.000.000đồng là không có, vì ông D làm ruộng thu nhập không có nhiều và giữa ông D với bà H cũng không có quan hệ gì để mà ông D phải cho bà H số tiền lớn như vậy. Nếu bà H cho rằng ông D cho bà H số tiền 60.000.000đồng thì yêu cầu bà H xuất trình tài liệu, chứng cứ ra để chứng minh.

Về việc bà H cho rằng số tiền 60.000.000đồng phát sinh khi bà H và ông D đang chung sống với nhau như vợ chồng thì ông D xác định hai người chỉ có quan hệ bạn bè, không có quan hệ chung sống với nhau như vợ chồng; ông D không có yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề gì có liên quan đến quan hệ chung sống với nhau như vợ chồng giữa hai người, cũng không có yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận hai người là vợ chồng.

Nay ông D yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà H trả cho ông D số tiền là 60.000.000đồng, không yêu cầu tính lãi.

Do ông D bận nhiều công việc không có thời gian đến tham dự phiên tòa, nên ông D xin được vắng mặt tại phiên tòa xét xử sơ thẩm cũng như trong suốt quá trình giải quyết vụ án. Mọi vấn đề có liên quan ông D vẫn giữ nguyên theo lời trình bày có trong hồ sơ. Ông D cam kết không khiếu nại gì về sau.

** Theo các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà H trình bày:* Bà H và ông D có quan hệ chung sống với nhau như vợ chồng (do khi đó ông D đã có vợ khác), mối quan hệ giữa hai người bắt đầu từ khoảng 03 năm trước cho đến cách đây khoảng 01 năm thì chấm dứt.

Vào khoảng tháng 12/2020, giữa bà H và ông D khi đó đang chung sống với nhau như vợ chồng, do bà H thiếu nợ bên ngoài khoảng mấy chục triệu đồng nên bà H mới nói với ông D muốn đi lên thành phố làm kiếm tiền trả nợ, nhưng ông D

không đồng ý và kêu bà H không cần đi làm mà tiếp tục sống với ông D đi rồi ông D sẽ cho tiền bà H trả nợ.

Sau đó, ông D có trực tiếp đứng ra liên hệ hỏi vay mượn của ông M số tiền 60.000.000đồng, ông M mới nói đợi khi nào có tiền cất lúa sẽ cho ông D mượn. Đến ngày 31/12/2020, ông M có gọi điện thoại nói với ông D là có tiền cho mượn rồi và có gửi biên nhận tiền tại nhà bà H để cho ông D ký tên. Ông D có đến nhà bà H để ký tên vào biên nhận tiền ngày 31/12/2020, nội dung biên nhận tiền ông D và ông M thỏa thuận như thế nào thì bà H không nắm do sau khi ông D ký tên thì bà H đã giao lại cho ông M giữ. Cùng ngày hôm đó, ông M có gọi điện thoại nói với ông D là sang nhà bà H để nhận số tiền 60.000.000đồng nhưng ông D có nói là ông M cứ đưa tiền cho bà H nhận đi, do đó ông M đã giao toàn bộ số tiền 60.000.000đồng cho bà H nhận. Tại thời điểm ông M giao tiền cho bà H nhận thì ông D cũng đang có mặt ở trong nhà bà H. Số tiền 60.000.000đồng này sau đó bà H không có đưa lại cho ông D vì ông D đã cho bà H số tiền này, việc cho tiền này giữa hai bên không có làm giấy tờ gì với nhau mà chỉ thỏa thuận miệng do khi đó hai bên đang chung sống với nhau như vợ chồng. Việc ông D cho rằng bà H nhờ ông D vay mượn tiền giùm của ông M là không đúng, giữa bà H, ông D, ông M không có thỏa thuận gì với nhau về vấn đề này, việc vay mượn là do ông D trực tiếp đứng ra thỏa thuận với ông M không có liên quan gì đến bà H. Sau đó, việc ông D có đóng lãi cho ông M hay không, đóng lãi bao nhiêu thì bà H không nắm vì đó là thỏa thuận riêng giữa ông D và ông M. Ông M cũng không có lần nào yêu cầu bà H trả số tiền vốn 60.000.000đồng và tiền lãi.

Từ trước đến nay, Tòa án nhân dân huyện C1, tỉnh Sóc Trăng chưa từng mời bà H đến làm việc, nhưng ông M có kể cho bà H nghe là sự việc liên quan đến số tiền 60.000.000đồng thì Tòa án nhân dân huyện C1, tỉnh Sóc Trăng đã giải quyết xong, buộc ông D phải trả cho ông M số tiền 60.000.000đồng, còn cụ thể Tòa án giải quyết như thế nào thì bà H không nắm.

Nay bà H không đồng ý trả số tiền 60.000.000đồng theo đơn khởi kiện của ông D vì ông D đã cho bà H số tiền này. Về việc số tiền 60.000.000đồng phát sinh khi bà H và ông D đang chung sống với nhau như vợ chồng thì bà H không có yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề gì có liên quan đến quan hệ chung sống với nhau như vợ chồng giữa hai người, cũng không có yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận hai người là vợ chồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông D vắng mặt nhưng trong văn bản đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt thì ông D giữ nguyên nội dung yêu cầu khởi kiện; các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng về việc tuân thủ và chấp hành pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án trong giai đoạn xét xử sơ thẩm, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Về nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông D, giải quyết buộc bà H trả cho ông D số tiền 60.000.000đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, theo phát biểu và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Theo nội dung yêu cầu khởi kiện, ông D yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà H trả cho ông D số tiền 60.000.000đồng, không yêu cầu tính lãi; TAND huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp đòi lại tài sản là đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Bà H là bị đơn, có địa chỉ cư trú tại ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Sóc Trăng; TAND huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Tại phiên tòa sơ thẩm, ông D vắng mặt nhưng có văn bản đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, bà H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không lý do và không thuộc trường hợp sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, việc vắng mặt cũng không ảnh hưởng đến việc xét xử; Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vụ án.

[4] Quá trình giải quyết vụ án, ông D và bà H thống nhất thừa nhận vào thời điểm khoảng tháng 12/2020, tháng 01/2021 ông D có đứng ra vay của ông M số tiền 60.000.000đồng, hai bên có làm biên nhận tiền; sau đó, ông M đã giao tiền cho ông D do bà H là người đứng ra nhận toàn bộ số tiền 60.000.000đồng ngay tại nhà bà H; những người làm chứng ông M và ông N cũng xác nhận các sự việc này là có thật. Sự thừa nhận của ông D và bà H về các vấn đề nêu trên là các tình tiết, sự kiện mà các đương sự không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[5] Ông D cho rằng số tiền 60.000.000đồng do ông D đứng ra vay của ông M giùm cho bà H; còn bà H cho rằng sau khi vay được tiền của ông M thì ông D đã cho tặng bà H toàn bộ số tiền 60.000.000đồng. Thế nhưng, bà H và người làm chứng ông M đều không thừa nhận lời trình bày này của ông D; còn ông D không thừa nhận lời trình bày này của bà H; ông D và bà H cũng đều không đưa ra được bất kì tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh cho lời trình bày này của mình. Do đó, việc ông D cho rằng số tiền 60.000.000đồng do ông D đứng ra vay của ông M giùm cho bà H và việc bà H cho rằng sau khi vay được tiền của ông M thì ông D đã cho tặng bà H toàn bộ số tiền 60.000.000đồng, đều không có cơ sở.

[6] Tuy nhiên, việc ông D vay số tiền 60.000.000đồng của ông M là sự việc có thật, được chính bà H thừa nhận; Tòa án nhân dân huyện C1, tỉnh Sóc Trăng cũng đã giải quyết vụ án xác định tình tiết này và buộc ông D phải trả cho ông M số tiền 60.000.000đồng, đây là tình tiết, sự kiện mà các đương sự không phải chứng minh theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; cho nên ông D là chủ sở hữu của số tiền này. Do bà H đã nhận số tiền này

của ông D nhưng không chứng minh được việc ông D đã cho tặng bà H số tiền này cũng như không chứng minh được việc bà H đã xác lập được quyền sở hữu số tiền này thông qua một giao dịch gì khác, nên việc ông D yêu cầu bà H phải trả lại cho ông D toàn bộ số tiền này là có căn cứ, phù hợp với quy định tại các Điều 166, 579 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[7] Về tiền lãi: Theo nội dung yêu cầu khởi kiện và tại phiên tòa sơ thẩm, ông D không yêu cầu bà H phải trả tiền lãi đối với số tiền 60.000.000đồng, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[8] Quá trình giải quyết vụ án, bà H cho rằng tại thời điểm bà H nhận số tiền 60.000.000đồng của ông D thì giữa bà H và ông D đang chung sống với nhau như vợ chồng; còn ông D không thừa nhận lời trình bày này của bà H. Ông D và bà H đều không có yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề gì có liên quan đến quan hệ chung sống với nhau như vợ chồng giữa hai người, cũng không có yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận hai người là vợ chồng. Đây là quyền quyết định và tự định đoạt của đương sự theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[9] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử quyết định chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông D, buộc bà H phải có nghĩa vụ trả cho ông D số tiền 60.000.000đồng.

[10] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng tại phiên tòa sơ thẩm là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[11] Về án phí sơ thẩm: Ông D không phải chịu án phí sơ thẩm và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp; bà H phải chịu án phí sơ thẩm tương ứng trên số tiền phải trả cho ông D là $60.000.000\text{đồng} \times 5\% = 3.000.000\text{đồng}$ theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và điểm b khoản 1, khoản 3 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 92, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào các Điều 166, 579 Bộ luật Dân sự năm 2015; điểm b khoản 1, khoản 3 Điều 24 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông D về việc yêu cầu bà H trả lại tài sản.

Buộc bà H phải có nghĩa vụ trả cho ông D số tiền 60.000.000đồng (*Sáu mươi triệu đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của ông D đối với số tiền phải trả nêu trên cho đến khi thi hành xong, hàng tháng bà H còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Về án phí sơ thẩm:

- Ông D không phải chịu án phí sơ thẩm và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm mà ông D đã nộp là 1.500.000đồng (*Một triệu năm trăm nghìn đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004708, ngày 04 tháng 10 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

- Bà H phải chịu án phí sơ thẩm là 3.000.000đồng (*Ba triệu đồng*).

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (*Mười lăm*) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại vụ án theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự (02);
- VKSND huyện Kế Sách (01);
- Chi cục THADS huyện Kế Sách (01);
- TAND tỉnh Sóc Trăng (01);
- Lưu HSVA, Văn phòng (02).

Nguyễn Quốc Việt